TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 08/2017/DSPT
Ngày: 04/8/2017
" Tranh chấp ranh giới QSDĐ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam.

Ông Võ Ngọc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 và ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2017/QĐPT ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:**

1.1. Ông Lưu B, sinh năm 1932.

1.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1939.

1.3. Ông Lưu T, sinh năm 1960.

1.4. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1979.

Đều cùng địa chỉ: Số 39 H, k 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/12/2015), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ông Nguyễn Văn N, Luật sư – Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị và là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 37 đường H, K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Hữu V, anh Nguyễn Hữu N, chị Lê Thảo N, bà Mai Thị Xuân L, bà Lê Thị C; đều cùng địa chỉ: K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt).

Bà Đoàn Thị A; địa chỉ: K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. **Người kháng cáo**: Ông Nguyễn Hữu T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2015, ngày 20/12/2015 của các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu T trình bày:

Ngày 26/9/2002 hộ ông Lưu B, bà Lê Thị T được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U991349 thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 08 tại K 2, p 1, T phố Đ, tỉnh Quảng Trị với diện tích 200m^2. Quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Hữu T là hộ liền kề đã xây hàng rào phần giáp mặt tiền chồng lấn sang phần đất đã được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T trả lại diện tích đất lấn chiếm là 42,9 m^2 . Sau khi có kết quả đo đạc, thẩm định, nguyên đơn đã thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện với ông T với diện tích đất là 4,01 m^2 chỉ khởi kiện diện tích đất 0,28 m^2 với các cạnh chiều dài giáp đất hộ ông Lưu B là 3,26m; chiều dài giáp đất ông T là 3,27 m; chiều rộng phía sau là 0,17m.

Tại văn bản ngày 04/01/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày như sau:

Ngày 15/7/2004 ông Nguyễn Hữu T được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ622018 thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 08 tại K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với diện tích 161 m^2. Quá trình sử dụng đất ông T sử dụng đất trong khuôn viên được cấp, chứ không lấn chiếm đất của hộ ông Lưu B, nên ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu V và chị Lê Thảo N trình bày ý kiến tại phiên tòa như sau:

Cả hai thống nhất theo ý kiến của ông T, trong quá trình sử dụng đất hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T sử dụng đúng ranh giới, không chồng lấn đất hộ ông Lưu B, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Hữu N, bà Mai Thị Xuân L, bà Đoàn Thị A, bà Lê Thị C trong quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 BLTTDS năm 2015, Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5, 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ tường rào, giao trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 0,28m^2, với các cạnh: Phía Tây Bắc giáp đất hộ ông Lưu B dài 3,26m; phía Đông Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu T dài 3,27m; phía Đông Nam giáp phần đất trống giữa hộ ông Lưu B và

ông Nguyễn Hữu T dài 0,17m như đã thể hiện tại sơ đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 07/6/2016.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu 2.164.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản. Ông T có nghĩa vụ phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.164.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21/3/2017, ông Nguyễn Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ với lý do: Ông T không hề lấn chiếm đất của nguyên đơn, vì diện tích đất của ông T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ622018 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 08 tại K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là 161 m^2, thực đo là 159 m^2, thiếu 2 m^2. Diện tích đất hộ ông Lưu B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U991349 tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 08 tại K 2, p 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là 200 m^2, đất thực đo diện tích 203 m^2, thừa 3 m^2.

Vì vậy, Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, ông T không lấn chiếm 0,28 m^2 đất của hộ ông Lưu B và không phải chịu chi phí thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T thì thấy;

* Hộ ông Nguyễn Hữu T được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ622018 ngày 15/7/2004 diện tích 161 m^2 đất ở, số thửa 28, tờ bản đồ số 08 ở tại K 2, p 1, Đ, tỉnh Quảng Trị, có vị trí giới hạn:

Chiều rộng phía mặt tiền giáp đường Hai Bà Trưng dài 8,47m;

Chiều rộng phía sau giáp đất hộ bà Lê Thị H và ông Bùi Văn T dài 3,39m; 3,51m.

Chiều dài phía giáp đất hộ bà Đoàn Thị A, hộ ông Hoàng Xuân T, hộ ông Hoàng Tuấn Thanh có các cạnh 3,91m; 11,58m; 1,32m; 3,14m.

Chiều dài giáp đất hộ ông Lưu B và bà Lê Thị T có các cạnh 10,38m; 6,75m, 3,39m.

- Thực tế hiện trạng hộ ông Nguyễn Hữu T đang sử dụng diện tích đất 159m^2 có vị trí giới hạn:

Chiều rộng phía mặt tiền giáp đường Hai Bà Trưng dài 8,38m;

Chiều rộng phía sau giáp đất hộ bà Lê Thị H và ông Bùi Văn T dài 6,75m.

Chiều dài phía giáp đất các hộ bà Đoàn Thị A, hộ ông Hoàng Xuân T, hộ ông Võ Sỹ H có các cạnh 3,76m; 4,13m; 7,40m; 3,45m; 1,03m; 1,42m; 2,67m;

Chiều dài giáp đất hộ ông Lưu B và bà Lê Thị T có các cạnh 3,26m; 6,66m; 0,32m; 9,85m.

* Hộ ông Lưu B, bà Lê Thị T được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U991349 ngày 26/9/2002 diện tích 200 m^2 đất ở, số thửa 27, tờ bản đồ số 08 ở tại K 2, p 1, Đ, tỉnh Quảng Trị, có vị trí giới hạn:

Chiều rộng mặt tiền giáp đường Hai Bà Trưng dài 8,93m;

Chiều rộng phía sau giáp đất hộ ông Võ Sỹ Hoàng và hộ ông Nguyễn Văn Đ dài 4,34m; 6,74m;

Chiều dài giáp đất hộ ông Nguyễn Hữu T có các cạnh dài 10,38m; 6,75m, 3,39m.

Chiều dài phía giáp hộ bà Mai Thị Xuân L dài 0,93m; 19,05m.

- Thực tế hiện trạng hộ ông Lưu B và bà Lê Thị T hiện đang sử dụng với diện tích đất là 203 m^2, có vị trí giới hạn:

Chiều rộng mặt tiền giáp đường Hai Bà Trưng dài 8,84m;

Chiều rộng phía sau giáp đất hộ ông Võ Sỹ Hoàng và hộ ông Nguyễn Văn Đ dài 4,34m; 6,74m;

Chiều dài giáp đất hộ ông Nguyễn Hữu T có các cạnh 3,26m; 6,66m; 0,32m; 9,85m; 0,53m.

Chiều dài phía giáp hộ bà Mai Thị Xuân L dài 19,12m và 0,36m.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Hữu T đang sử dụng với diện tích 159 m^2 so với diện tích đất được cấp thiếu 2m^2; hộ ông Lưu B đang sử dụng diện tích 203m^2 so với diện tích đất được cấp thừa 3m^2. Hộ ông Lưu B khởi kiện ông Nguyễn Hữu T về bức tường rào là ranh giới giữa hai hộ do ông Nguyễn Hữu T xây dựng nên đã lấn chiếm diện tích đất 0,28m^2 theo hình tam giác với các cạnh chiều dài phía Tây Bắc giáp hộ ông Lưu B là 3,26m; chiều dài phía Đông Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu T là 3,27m; chiều rộng về phía Đông là 0,17m.

Tại phiên tòa ngày 05/7/2017 ông Nguyễn Hữu T cho rằng; bức tường rào này do ông T xây dựng từ năm 1996, khi nhà nước mở rộng đường Hai Bà Trưng năm 2013 nên tường rào có thay đổi, ông Lưu T là người đại diện theo ủy quyền của hộ ông Lưu B cho rằng; năm 2013 ông T cắt đi phần tường rào có thay đổi móng và đã xây lấn sang phần đất của hộ ông Lưu B là 0,28m^2.

Ông Nguyễn Hữu T có yêu cầu trưng cầu giám định trong lĩnh vực xây dựng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm phải ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ theo điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 20 tháng 7 năm 2017 Hội đồng tiến hành xem xét hiện trạng thì thấy: Bức tường rào từ mép ngoài đường Hai Bà Trưng vào 36cm có vết xây nối giữa hai khối xây, mặt ngoài phía tiếp giáp nhà ông Lưu B là bức tường có chiều rộng 0,48m x 1,59m. Từ mép trên bức tường (đoạn tiếp giáp giữa hai khối xây) xuống 35cm có phần gờ nổi (phào chỉ) dài 60cm x 10cm; phía mép trên bức tường có gờ nổi (phào chỉ) dài 3,2m x 0,07m (đoạn tiếp giáp giữa hai khối xây đến mép nhà ông Nguyễn Hữu T); phần chân tường tại mép nhà ông Nguyễn Hữu T đào xuống 35cm xuất hiện nền cũ vẫn thấy tường cùng khối; bức tường tiếp giáp hộ bà Đoàn Thị A mép ngoài đường Hai Bà Trưng vào 36cm có vết xây nối giữa hai khối xây, cả hai bức tường có màu vàng đã cũ, có rêu rong.

Căn cứ vào sơ đồ hiện trạng ranh giới thửa đất của hộ gia đình ông Lưu B và ông Nguyễn Hữu T được lập ngày 07/6/2016 thể hiện trong diện tích 0,28m^2 thì cạnh chiều rộng về phía Đông là 0,17m, nhưng cạnh này chiếu theo phần be của nhà ông T theo phương thẳng đứng có chiều rộng là 0,20m. Như vậy, phần tường rào mà ông T xây dựng vẫn nằm trong phần đất của nhà ông T; chứng tỏ phần be của nhà ông T đã bao trùm lên bức tường rào của nhà ông T.

Qua xác minh thu thập chứng cứ tại các hộ quanh khu vực của hai hộ ông Lưu B và hộ ông Nguyễn Hữu T đều cho biết bức tường rào do hộ ông Nguyễn Hữu T xây dựng khoảng từ 20 năm trở lên, đến năm 2012 mở đường Hai Bà Trưng thì ông T đập một phần bức tường rào phía trước, chứ không có xây dựng gì thêm. Như vậy, chứng cứ thu thập này phù hợp với việc xem xét hiện trạng được lập ngày 20/7/2017. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng; ông Nguyễn Hữu T đã xây tường rào ranh giới giữa hai hộ chồng lấn diện tích là 0,28m^2 trên diện tích đất được cấp cho hộ ông Lưu B như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

Ông Nguyễn Hữu T kháng cáo về việc không phải chịu chi phí thẩm định tại chổ và án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 và khoản 1 Điều 147 của BLTTDS quy định thì đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chổ và án phí nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Số tiền chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm là 2.164.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng; số tiền chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 1.440.000 đồng. Do không chấp nhận yêu cầu cầu nguyên đơn, nên nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định đo đạc và án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T, sửa bản án sơ thẩm; thấy rằng: ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Về án phí: Sửa bản án sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, sửa bản án sơ thẩm. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông

Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ tường rào, giao trả cho các nguyên đơn là ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phần đất có diện tích 0,28m^2, phía tiếp giáp đường Hai Bà Trưng, ở mép ngoài tường rào đi vào 0,53m thì diện tích đất này có hình tam giác, có các cạnh chiều dài phía Tây Bắc giáp hộ ông Lưu B là 3,26m; chiều dài phía Đông Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu T là 3,27m; chiều rộng về phía Đông là 0,17m.

Về án phí: Sửa án phí dân sự sơ thẩm

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007925 ngày 17/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008508 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải chịu 2.164.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản (tại cấp sơ thẩm) và phải chịu 1.440.000 đồng chi phí tố tụng ngày 20/7/2017(tại cấp phúc thẩm). Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.440.000 đồng chi phí tố tụng (ngày 20/7/2017 tại cấp phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- VKSND tỉnh Q. Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTòa.
- Tổ HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Oanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc Lập- Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 8 năm 2017.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.
Các thẩm phán T viên : Ông Võ Ngọc Mậu.
Ông Đinh Viết Nam.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 03/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lưu B, sinh năm 1932.
1.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1939.
1.3. Ông Lưu T, sinh năm 1960.
1.4. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1979.
Đều cùng địa chỉ: Số 39 H, K 2, p 1, T phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 37 đường Hai Bà Trưng, K 2, p 1, T phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Hữu Việt, anh Nguyễn Hữu N, chị Lê Thảo Nhi, bà Mai Thị Xuân L, bà Đoàn Thị A, bà Lê Thị C.
Đều cùng địa chỉ: K 2, p 1, T phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Biểu quyết 3/3

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ tường rào, giao trả cho các nguyên đơn là ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phần đất có diện tích 0,28m^2, phía tiếp giáp đường Hai Bà Trưng, ở mép ngoài tường rào đi vào 0,53m thì diện tích đất này có hình tam giác, có các cạnh chiều dài phía Tây Bắc giáp hộ ông Lưu B là 3,26m; chiều dài phía Đông Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu T là 3,27m; chiều rộng về phía Đông là 0,17m.

Biểu quyết 3/3

Về án phí: Sửa án phí dân sự sơ thẩm

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007925 ngày 17/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Đ.

Biểu quyết 3/3

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008508 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Biểu quyết 3/3

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải chịu 2.164.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản (tại cấp sơ thẩm) và phải chịu 1.440.000 đồng chi phí tố tụng ngày 20/7/2017(tại cấp phúc thẩm). Các nguyên đơn ông Lưu B, bà Lê Thị T, ông Lưu T, bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.440.000 đồng chi phí tố tụng (ngày 20/7/2017 tại cấp phúc thẩm).

Biểu quyết 3/3

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T. VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Mậu **Đinh Viết Nam** **Nguyễn Thị Oanh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc Lập- Tự do – Hạnh phúc**
Số: /2017/QĐ- PT Quảng Trị, ngày 05 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
TẠM NGỪNG PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.
Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Mậu.
Ông Đinh Viết Nam.

Đã tiến hành mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số 03/2017/TLPT ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXPT ngày 05 tháng 6 năm 2017.

Xét thấy: Cần phải xác minh thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa.

Căn cứ vào Điều 304 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tạm ngừng phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 5 năm 2017.

2/ Thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án được ấn định lại sau.

Nơi nhận
- Đương sự
- VKS tỉnh QTrị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh